

Số: /BC-SLĐTBXH

Ninh Thuận, ngày

tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

### Công tác cải cách hành chính năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024

Thực hiện Công văn số 872/UBND-VXNV ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2023, như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

##### 1. Về kế hoạch cải cách hành chính:

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, đã ban hành Kế hoạch số 3170/KH-SLĐTBXH ngày 02/12/2022 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023, Kế hoạch số 02/KH-SLĐTBXH ngày 03/01/2023 về hoạt động kiểm soát và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023; Kế hoạch số 420/KH-SLĐTBXH ngày 28/02/2023 về tuyên truyền, truyền thông về công tác cải cách hành chính và Kế hoạch số 846/KH-SLĐTBXH ngày 07/4/2023 về phát động thi đua cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 978/KH-SLĐTBXH ngày 19/4/2023 về Kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023.

##### 2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

- Chỉ đạo thường xuyên, liên tục rà soát TTHC đã được công bố, sửa đổi bổ sung và bãi bỏ để tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc ngành quản lý; đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2023; ban hành Kế hoạch số 02/KH-SLĐTBXH ngày 03/01/2023 về hoạt động kiểm soát và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 theo Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Chỉ đạo thực hiện mục tiêu chất lượng của từng phòng, đơn vị theo TCVN ISO 9001:2015 và duy trì thực hiện năm 2023.

- Tăng cường ứng dụng chữ ký số trong việc ký duyệt văn bản thông thường theo quy định; 100% công chức sử dụng hộp thư điện tử [xxx@ninhthuan.gov.vn](mailto:xxx@ninhthuan.gov.vn) trong việc trao đổi thông tin trong cơ quan nhà nước theo chỉ đạo của UBND tỉnh và cung cấp tin-bài để đăng trang web để trao đổi văn bản trong hoạt động của cơ quan.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính: Đã ban hành Kế hoạch số 978/KH-SLĐTBXH ngày 19/4/2023 về Kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 tại các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở thực hiện trong quý III; đôn đốc các phòng đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính năm 2023 phù hợp với từng đơn vị.

**4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính:** Thực hiện theo chỉ đạo UBND tỉnh, Sở đã ban hành Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 28/02/2023 về việc tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2023, theo đó thường xuyên lồng ghép thông tin về công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính trong ngày Pháp luật tuần đầu hàng tháng cho toàn bộ công chức Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc Sở. Đồng thời tuyên truyền bằng hình ảnh trên trang thông tin điện tử của Sở, đơn vị.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế:**

- Đã ban hành Kế hoạch số 211/KH-SLĐTBXH ngày 06/02/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 176/KH-SLĐTBXH ngày 01/02/2023 về triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm ; Kế hoạch số 207/KH-SLĐTBXH ngày 06/02/2023 về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2023; Kế hoạch số 134/KH-SLĐTBXH ngày 18/01/2023 về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 146/KH-SLĐTBXH ngày 27/01/2023 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 344/KH-SLĐTBXH ngày 22/02/2023 về Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023; Kế hoạch số 168/KH-SLĐTBXH ngày 31/01/2023 về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở năm 2023; Kế hoạch số 325/KH-SLĐTBXH ngày 20/02/2023 về Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023;

- Báo cáo số 47/BC-SLĐTBXH ngày 06/01/2023 báo cáo thống kê kỳ báo cáo năm 2022 của Ngành Tư pháp; Báo cáo số 09/BC-SLĐTBXH ngày 11/01/2023 về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; Báo cáo số 167/BC-SLĐTBXH ngày 24/5/2023 về Tình hình triển khai thực hiện Chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật trong 06 tháng đầu năm 2023; Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính đang có hiệu lực thi hành; Báo cáo số 442/BC-SLĐTBXH ngày 01/11/2023 về kết quả rà soát, lập danh mục và tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2023; Công văn số 2954/SLĐTBXH-TTr ngày 19/10/2023 về Báo cáo thống kê số liệu ngành Tư pháp năm 2023.

- Phối hợp tiến hành rà soát, tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước theo đề nghị của các Sở, ngành tỉnh.

### **2. Công tác Cải cách Thủ tục hành chính:**

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (Số lượng TTHC được rà soát; số lượng TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa; đánh giá về cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa): Đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-SLĐTBXH ngày 03/01/2023 về hoạt động kiểm soát và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023, để tổ chức rà soát các TTHC đã được UBND tỉnh công bố nhưng còn rườm rà, chồng chéo, các TTHC không phát sinh trong giao dịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh....để tham mưu phương án đơn giản hoá TTHC nhằm thực hiện có chất lượng,

hiệu quả. Đồng thời, trong năm đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 06 Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trên các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và kịp thời tham mưu UBND ban hành 03 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC để triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, kịp thời, hiệu quả. Đến nay số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành: cấp tỉnh là 103; cấp huyện: 19; cấp xã: 16.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa (Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức và người lao động): Thực hiện nghiêm túc cơ chế một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh, thực hiện tốt phần mềm hồ sơ điện tử một cửa tại Trung tâm. Hồ sơ thuộc Ngành quản lý cơ bản đã giải quyết trước và đúng hạn chiếm tỷ lệ 100%; thực hiện số hóa hồ sơ và bắt đầu tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh. Thường xuyên chỉ đạo thực hiện quét (scan), lưu trữ, cập nhật tất cả các hồ sơ tiếp nhận trực tiếp tại Bộ phận một cửa (bao gồm tất cả các TTHC không đưa về tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, để đảm bảo số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trên hệ thống một cửa điện tử đồng nhất với số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thực tế của đơn vị (công việc này phải thực hiện ngay trong ngày có hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC phát sinh tại đơn vị).

Đồng thời, chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; quy trình do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cung cấp về việc tiếp nhận và giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Qua đó, người lao động có nguyện vọng đăng ký hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp có thể nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn> và việc nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp trực tuyến tại bất cứ nơi nào có kết nối mạng Internet. Trung tâm tiếp tục tuyên truyền cho người dân và tổ chức doanh nghiệp thực hiện trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

Từ đầu năm đến nay, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đã tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” và “một cửa, liên thông” và trực tuyến là 5.494 hồ sơ. Trong đó: Trung tâm DVVL tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 4.964 hồ sơ lĩnh vực BHTN (hồ sơ tiếp nhận qua cổng dịch vụ công quốc gia <https://dichvucong.gov.vn> là 1.607 hồ sơ, đạt tỷ lệ 33,37 %; Đã ban hành 4.282 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp và trả kết quả qua cổng dịch vụ công quốc gia: 942 quyết định); Tiếp nhận qua hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, phần mềm <http://hcc.ninhthuan.gov.vn> là 530 hồ sơ (trong đó: tiếp nhận qua mạng 232 hồ sơ); Đã thực hiện giải quyết 486 hồ sơ (trước hạn 430; đúng hạn 55) và đang giải quyết 44 hồ sơ.

Đồng thời, Sở tiếp 36 lượt người đến thắc mắc về lĩnh vực chính sách lao động, chính sách người có công và an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội; qua công tác tiếp công dân đã tiếp nhận 17 đơn thư (trong đó có 15 đơn khiếu nại gồm: 5 đơn về

chính sách lao động, 2 đơn về BHXH, 8 đơn về đất đai (khác); 2 phản ánh, kiến nghị về đất đai). Sở đã chỉ đạo tham mưu trả lời theo đúng thẩm quyền và thời gian quy định và công tác tham mưu giải quyết các hồ sơ TTHC cơ bản đảm bảo thời gian và chất lượng đạt hiệu quả cao.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính:**

- Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 21/04/2023 về việc tổ chức lại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh và Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 về phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Công tác xã hội tỉnh; đồng thời, đã trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh.

- Đã tổ chức đánh giá Chương trình hành động và ban hành Quyết định bổ nhiệm chức danh Phó Chánh Văn phòng thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Tổ chức rà soát phê duyệt đưa ra khỏi quy hoạch và bổ sung quy hoạch các chức danh Trưởng, Phó phòng và Giám đốc, Phó Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021-2026. Đồng thời, Sở thực hiện triển khai lấy ý kiến góp ý dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Triển khai thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại các chức danh Phó Chánh Thanh tra sở, Phó Giám đốc Trung tâm Công tác xã hội theo quy định.

### **4. Cải cách chế độ công vụ:**

- Ban hành Quyết định số 01/QĐ-SLĐTBXH ngày 03/01/2023 về quy chế làm việc của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Ban hành Kế hoạch số 268/KH-SLĐTBXH ngày 13/02/2023 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2023 và Quyết định số 51/QĐ-SLĐTBXH ngày 28/02/2023 về phân bổ chỉ tiêu thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2023.

- Ban hành Quyết định số 117/QĐ-SLĐTBXH ngày 14/4/2023 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức thuộc Sở;

- Ban hành Quyết định số 509/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/11/2023 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý;

- Trình đề nghị Sở Nội vụ thẩm định Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh và đang hoàn thiện trình đối với 02 đơn vị trực thuộc còn lại.

- Nâng lương thường xuyên cho 13 công chức; vượt khung: 03 công chức; trình phê duyệt nâng lương trước thời hạn 04 công chức thuộc Sở và 01 viên chức lãnh đạo đơn vị trực thuộc Sở do lập thành tích xuất sắc; nâng lương trước thời hạn đối với 01 công chức có thông báo nghỉ hưu; tăng phụ cấp thâm niên nghề 02 công chức; trình UBND thông báo nghỉ hưu 02 công chức Sở (Giám đốc, Phó Giám đốc Sở).

- Triển khai công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Quyết định số 25/QĐ-SLĐT BXH ngày 06/02/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Chương trình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngành Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2023; đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 theo đúng quy định.

### **5. Cải cách tài chính công:**

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương:

- Thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Sở đã tham mưu ban hành Quyết định số 4339/QĐ-SLĐT BXH ngày 31/12/2022 quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trên cơ sở đó thực hiện phân bổ hợp lý nguồn kinh phí chi thường xuyên; góp phần tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập tăng thêm cho người lao động.

- Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính công theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính. Sở đã thực hiện công khai các quyết định phân bổ dự toán giao đầu năm bổ sung trong quý.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công được giao trong năm 2023: đến thời điểm này (26/5/2023) đã giải ngân: 3.585,23 triệu đồng/3.593 triệu đồng (bao gồm kinh phí năm 2022 được chuyển sang), đạt 100% Kế hoạch vốn đã giao trong năm.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: đã thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 trên phần mềm hệ thống quản lý tài sản công, link truy cập: <http://qltsc.mof.gov.vn> và kết xuất từ phần mềm quản lý tài sản công báo cáo Sở Tài chính tại Công văn số 361/SLĐT BXH-VP ngày 23/02/2023.

- Thực hiện kiểm kê, thanh lý tài sản của Sở LĐTBXH theo quy định.

- Thực hiện xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 tại các đơn vị trực thuộc Sở LĐTBXH và các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Về cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: các đơn vị trực thuộc Sở đã thực hiện xây dựng lại phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-

2025 theo Kế hoạch số 962/KH-UBND ngày 16/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng kế hoạch giao tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 và Công văn số 3159/UBND-KTTH ngày 02/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện giao quyền tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Sở đã tổng hợp trình Sở Tài chính thẩm định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính công, kinh phí đảm bảo hoạt động của ngành, xây dựng cơ bản và phối hợp các phòng chuyên môn tham mưu kế hoạch triển khai thực hiện các nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia do Sở quản lý.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:**

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương: Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-SLĐTBXH ngày 03/01/2023 về triển khai thực hiện nội dung Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 05/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Kế hoạch số 3255/KH-SLĐTBXH ngày 12/12/2022 về việc Triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch số 398/KH-SLĐTBXH ngày 27/02/2023 triển khai thực hiện Đề án 06/CP năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; Quyết định số 32/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/02/2023 về thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số ngành LĐTBXH và Quy chế hoạt động của BCD để chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: Hạ tầng cơ sở thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu: Đã triển khai thực hiện việc cập nhật, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu an sinh xã hội, kết nối, xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh cơ bản đã nhập đầy đủ cơ sở dữ liệu đối tượng Bảo trợ xã hội và lập danh sách chi trả hàng tháng trên hệ thống phần mềm <https://misposasoft.molisa.gov.vn>; tiếp tục chỉ đạo nhập số liệu phần mềm "Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, người có công và hộ nghèo" trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu an sinh xã hội (Người có công, hộ nghèo, bảo trợ xã hội...).

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Thực hiện các phần mềm Tdoffice, số hóa hồ sơ Người có công; phần mềm Kế toán... và thực hiện tốt giao dịch và thanh toán qua Kho bạc tỉnh, từng bước chuyển đổi số theo lộ trình của UBND tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 23/01/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về thí điểm công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội không dùng tiền mặt tại một số xã, phường, thị trấn thuộc TP. Phan Rang - Tháp Chàm và huyện

Ninh Phước và thực hiện 7/7 huyện, thành phố đối với đối tượng Người có công với cách mạng; Phương án số 1237/PA-SLĐTBXH ngày 16/5/2023 của Sở LĐTBXH về chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Kết quả công tác thu thập thông tin và mở tài khoản cho đối tượng BTXH tại 02 địa bàn thí điểm là thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, huyện Ninh Phước và Người có công trên toàn tỉnh, Buu điện và UBND các xã/phường tiến hành thu thập thông tin mở tài khoản cho đối tượng đến tháng 11/2023 và thực hiện chi trả qua tài khoản không dùng tiền mặt là 3.878/15.127 (Người có công, bảo trợ xã hội) chiếm 25,63% so với tổng số đối tượng quản lý, với số tiền chi trả qua tài khoản trên 3,7 tỷ đồng. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch số 2996/KH-SLĐTBXH về việc triển khai thực hiện các Mô hình Quản lý chương trình An sinh xã hội thông qua VNeID trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Kế hoạch số 4076/KH-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Triển khai theo lộ trình, kế hoạch của UBND tỉnh chỉ đạo.

- Danh mục cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định 1031/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và Dịch vụ công trực tuyến một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công tỉnh: Toàn trình là 10 DVCTT; một phần là 31 DVCTT.

- Đối với nhiệm vụ kết nối Cổng Dịch vụ công: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đã phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện đồng bộ thông tin hồ sơ, tiến trình xử lý hồ sơ từ Công dịch vụ công của tỉnh lên Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và hướng dẫn thực hiện đồng bộ thông tin hồ sơ, lên Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (<https://mc.ninhthuan.gov.vn/dvc>); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp triển khai, hướng dẫn các huyện, thành phố tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo thẩm quyền trên hệ thống phần mềm chuyên Ngành về trợ cấp mai táng phí cho đối tượng (Bảo trợ xã hội tại địa chỉ <https://dvcbtxh.molisa.gov.vn/> và Người có công tại địa chỉ: <https://csdl-nguoiococong.molisa.gov.vn/>). Kết quả đến nay, trên hệ thống phần mềm DVC trực tuyến liên thông Mai táng phí đã tiếp nhận hồ sơ trợ cấp mai táng phí cho đối tượng: Bảo trợ xã hội là 230 hồ sơ; Người có công: 18 hồ sơ.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt tích cực.**

Trong thời gian qua, công tác cải cách hành chính được Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo quyết liệt nhất là việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; cải tiến lề lối làm việc, đẩy mạnh kiểm soát thủ tục hành chính, công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, công dân và doanh nghiệp; kiện toàn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phát huy mạnh mẽ vai trò điều hành, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng các đơn vị; tăng cường phối

hợp giữa triển khai các văn bản quy pháp pháp luật có tính liên ngành; thực hiện nề nếp trong giải quyết TTHC, đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường chấn chỉnh thái độ tiếp xúc, trách nhiệm của cán bộ, công chức khắc phục tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm, thái độ thờ ơ, vô cảm; nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, xử lý nghiêm minh và kịp thời hành vi tham ô, nhũng nhiễu, vòi vĩnh của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ của Ngành.

## 2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

- Số lượng thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội tương đối nhiều, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội công bố còn rời rạc, thay đổi liên tục; việc rà soát trình công bố mất nhiều thời gian qua nhiều trung gian.

- Việc tiếp nhận và giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp trên cổng Dịch vụ công Quốc gia gây khó khăn cho Trung tâm Dịch vụ việc làm trong việc thực hiện các nhiệm vụ về tư vấn, giới thiệu kết nối việc làm và tư vấn hỗ trợ học nghề cho người lao động.

- Cán bộ phụ trách CNTT của Sở thực hiện kiêm nhiệm nhiều công việc do đó đã gây khó khăn không ít trong việc triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ trong công tác quản lý nhà nước tại các đơn vị nói riêng và của tỉnh nói chung, nhất là việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số trong thời gian tới.

- Việc xây dựng các CSDL chuyên ngành chưa đáp ứng việc khai thác dữ liệu của Ngành để phục vụ công tác chỉ đạo-điều hành; dữ liệu chuyên Ngành chưa tập trung gây khó khăn trong việc chia sẻ, tích hợp với CSDL dùng chung của tỉnh, Bộ.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024**

### 1. Cải cách thể chế:

Tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, theo dõi, tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành quản lý hết hiệu lực và có hiệu thi hành theo định kỳ và tham mưu xây dựng, ban hành Văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định; cập nhật vào phần mềm theo dõi việc xây dựng Văn bản quy phạm pháp luật kịp thời. Đồng thời chỉ đạo rà soát đăng ký bổ sung việc tham mưu Văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý kịp thời.

### 2. Công tác Cải cách thủ tục hành chính:

Tiếp tục rà soát tham mưu trình UBND tỉnh đơn giản hoá TTHC theo hướng tinh gọn, thực chất và hiệu quả.

Thực hiện tốt Kế hoạch tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, bố trí lịch tiếp công dân hàng tháng và giải quyết nhanh chóng và kịp thời các ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân về lĩnh vực Ngành.

Chỉ đạo tiếp tục rà soát, cập nhật việc đơn giản hóa TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính



phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Kịp thời tham mưu trình UBND tỉnh công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở khi Bộ LĐTBXH ban hành. Phối hợp tốt với các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố trong giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

### 3. Cải cách tổ chức bộ máy:

Thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế gắn với cải cách chế độ công vụ, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tập trung tổ chức đánh giá Chương trình hành động trước khi tiến hành xem xét, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

### 4. Cải cách chế độ công vụ:

Triển khai kế hoạch đào tạo-bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước; Lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học và kỹ năng lãnh đạo cho công chức năm 2023 đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Đảm bảo đủ tiêu chuẩn trước khi bổ nhiệm. Đẩy mạnh việc tham mưu thực hiện cải cách công vụ, công chức, nâng cao chỉ số quản trị và hành chính công (PAPI); thực hiện kế hoạch luân chuyển cán bộ, công chức theo Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ năm 2017 và theo danh mục các vị trí công tác phải định kỳ chuyên đổi trong các lĩnh vực quản lý thuộc Ngành Lao động-Thương binh và Xã hội.

### 5. Cải cách Tài chính công:

- Tiếp tục thực hiện niêm yết công khai đầy đủ theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Tiếp tục thực hiện phương án tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy biên chế về tài chính cho các đơn vị trực thuộc Sở. Thực hiện tốt Kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo quy định.

### 6. Hiện đại hoá nền hành chính Nhà nước:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phần mềm quản lý hồ sơ công việc, xây dựng cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý Ngành và ứng dụng có hiệu quả phần mềm quản lý hồ sơ, đánh giá cán bộ, công chức và cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính và các văn bản liên quan cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp biết trên Website Sở. Tiếp nhận và giải quyết các TTHC qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đảm bảo đầy đủ và kịp thời. Tiếp tục rà soát, tham mưu sửa đổi quy chế quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin và phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD.Office) tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Xây dựng quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 trên hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Ninh Thuận.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung ban hành mới các quy trình theo TCVN ISO 9001:2015 và duy trì, cải tiến việc áp dụng hệ thống quản lý hành chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trên tất cả lĩnh vực công tác.

- Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc, đẩy mạnh việc áp dụng cơ chế tin học hoá, từng bước chuyển đổi và số hoá dữ liệu, phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ; (tổng hợp)
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ĐVSN trực thuộc;
- Lưu: VT, VPS

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Đức Long**

**PHỤ LỤC**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	25	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	18	
1.2.	Kiểm tra CCHC	Văn bản		
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	7 đơn vị (04 phòng chuyên môn và 03 đơn vị trực thuộc)	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	138	Tính đến thời điểm báo cáo
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	126	12 đang trong hạn
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Phiếu		Có
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	100	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	12/12	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	06	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	4	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	24	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	138	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	103	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	19	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	16	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công quốc gia			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	02	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	02	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	4	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	13	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Huyện thực hiện
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Xã thực hiện
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công tỉnh			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC tỉnh	Thủ tục	41	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC tỉnh	Thủ tục	103	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	00	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	01	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	03	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	47	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	44	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	03	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10%	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	52	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	50	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10%	
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	01 ĐVTT đang trình UBND tỉnh phê duyệt
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	01	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	02	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	01	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	01	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	00	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	00	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	Theo QĐ 428/QĐ-UBND ngày 18/7/2022, giai đoạn 2022-2026. Hiện tại, đã trình lại giai đoạn 2023-2025 theo Công văn số 3159/UBND-KTTH ngày 02/8/2023
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	00	
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		14.584	Tính đến thời điểm báo cáo
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			Từ Sở đến đơn vị trực thuộc
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	6.160	Tính đến thời điểm báo cáo
Trong	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện	%	95%	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đó	tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	62	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	41	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	100%	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100%	